

Số: 68/2024/QĐST – DS Cẩm Lệ, ngày 29 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành lập ngày 21/8/2024 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 192/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2024 về việc “*Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”.

XÉT THẤY

Sự thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Bùi Thị Thu N**, sinh năm 1990; Địa chỉ thường trú: **2 đường N, phường C, quận C, TP Hồ Chí Minh**; Địa chỉ liên hệ: **Toà nhà L Vinhomes C, số G Đ, phường B, quận B, TP .**; Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Quốc D**, sinh năm 1983; Địa chỉ: **Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh**.

- *Bị đơn*:

+ Bà **Nguyễn Thị Tuyết M**, sinh năm 1990; Địa chỉ thường trú: **Tổ C, phường V, quận T, TP Đà Nẵng**; Địa chỉ tạm trú: **P tầng F, tòa nhà B đường P, tổ H phường K, quận C, TP Đà Nẵng**.

+ Ông **Trương Quang Đ**, sinh năm 1979; Nơi cư trú: **Tổ C, phường V, quận T, TP Đà Nẵng**; Địa chỉ hiện nay: **K V, phường P, quận S, TP Đà Nẵng**.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về xác định số tiền nợ: Bị đơn bà **Nguyễn Thị Tuyết M** và ông **Trương Quang Đ** và đại diện theo ủy quyền của bà **Bùi Thị Thu N** là ông **Trần Quốc D** thống nhất xác định:

Tính đến ngày 21/8/2024, bị đơn bà **Nguyễn Thị Tuyết M** và ông **Trương Quang Đ** còn nợ bà **Bùi Thị Thu N** tổng số tiền là: 2.180.000.000 đồng (*hai tỷ một*

trăm tám mươi triệu đồng), trong đó bao gồm: Nợ gốc là: 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng); Nợ lãi từ tháng 08/2022 đến 05/2023, với số tiền là 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng).

2.2. Phương thức và thời gian trả nợ: Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Trương Quang Đ và đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị Thu N là ông Trần Quốc Đ thống nhất phương án trả nợ như sau:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Trương Quang Đ có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị Thu N tổng số tiền nợ 2.180.000.000 đồng (hai tỷ một trăm tám mươi triệu đồng) thành nhiều lần, cụ thể như sau:

+ Từ tháng 9 năm 2024 đến tháng 12 năm 2024 (04 tháng), mỗi tháng bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Trương Quang Đ có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị Thu N số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Thời điểm trả nợ vào ngày 26 hàng tháng.

+ Từ tháng 01 năm 2025 đến tháng 12 năm 2025, mỗi tháng bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Trương Quang Đ có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị Thu N số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Thời điểm trả nợ vào ngày 26 hàng tháng.

+ Từ tháng 01 năm 2026 cho đến khi trả hết toàn bộ khoản nợ, mỗi tháng bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Trương Quang Đ có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị Thu N số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Thời điểm trả nợ vào ngày 26 hàng tháng.

Trường hợp nếu bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Trương Quang Đ vi phạm bất kỳ lần thanh toán nào như đã cam kết nêu trên thì nguyên đơn bà Bùi Thị Thu N có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Trương Quang Đ phải trả hết toàn bộ số tiền nợ còn lại.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn bà Bùi Thị Thu N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án là bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Trương Quang Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết nêu trên thì bà M, ông Đ phải chịu lãi chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2.3. Án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm là 37.800.000 đồng (Ba mươi bảy triệu, tám trăm nghìn đồng) bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Trương Quang Đ tự nguyện chịu.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Bùi Thị Thu N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 37.800.000 đồng (Ba mươi bảy triệu, tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001827 ngày 15/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: THẨM PHÁN

- Đương sự;
- VKSND Q. Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Phan Văn Cường